TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC M** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2025.
Về việc "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Đinh Văn Tân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M-Thành phố Hồ Chí Minh:*** Không tham gia phiên tòa theo Văn bản số 18/CV-VKS ngày 05/11/2025.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 21/02/1998;

Căn cước công dân số: 077198000980 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/7/2021.

Địa chỉ: Tổ B, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (nay là: Tổ B, thôn T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh ngày 04/6/1997;

Hộ chiếu số: C4040871 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 17/10/2017.

Địa chỉ: 2860 S Fundy Street, Aurora CO 80013, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Kim T, sinh ngày 19/5/1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (nay là: Thôn T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà T, ông S có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2019. Có đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 08/3/2019. Sau khi kết hôn, ông S về Mỹ sinh sống và làm việc, lâu lâu có về Việt Nam một lần, thời gian đầu qua Mỹ ông S có thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm bà nhưng lâu dần ông S không còn quan tâm, cũng như không nghĩ đến việc sum họp gia đình. Bà không còn cảm nhận được sự quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ của ông, ông S cũng không nói chuyện, giải thích với bà. Đến nay bà đã mất hy vọng và niềm tin vào ông S. Mặt khác, thời gian chung sống với nhau ít, không đủ để gắn bó nên cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, khác biệt lối sống, bất đồng quan điểm giữa hai bên ngày càng kéo dài dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh S.

Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phan Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Trần Thanh S trình bày:

Ông S xác nhận ông và Bà T có chung sống, đăng ký kết hôn như lời trình bày của Bà T là đúng. Nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý, bất đồng về quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và Bà T xin ly hôn với ông thì ông S đồng ý.

Về con chung: Ông Trần Thanh S và bà Phan Thị Ngọc T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Thanh S có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh S. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "ly hôn". Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T có nơi cư trú tại Tổ B, thôn T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn ông Trần Thanh S hiện đang cư

trú tại 2860 S Fundy Street, Aurora CO 80013, Hoa Kỳ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc T và bị đơn là ông Trần Thanh S vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa chỉ, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay cả hai ông bà đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Thanh S là có thật và đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Trần Thanh S.

[4] Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Phan Thị Ngọc T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần Thanh S.

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S cùng xác nhận ông bà không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trần Thanh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008372 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Trần Thanh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực M - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Sở tư pháp TP HCM
(GCNKH số 27 ngày 08/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Tình